

Số: 871 /TTg-KTTH

V/v dự kiến KHĐTCTH giai đoạn
2026 – 2030 đối với số vốn còn lại
chưa phân bổ tại Nghị quyết số
27/2026/QH16 của Quốc hội

*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026***Kính gửi:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ, xét đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 998/TTr-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác ở Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp nhà nước liên quan (dưới đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương) trên cơ sở số vốn dự kiến được thông báo tại văn bản này, tổ chức triển khai xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn (KHĐTCTH) giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, THỨ TỰ ƯU TIÊN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN

1. Việc xây dựng phương án phân bổ KHĐTCTH giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình, dự án thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV (Chương trình hành động), bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện các Nghị quyết đột phá mang tính chiến lược của Đảng đã ban hành trong thời gian qua¹, các dự án trọng điểm, liên vùng; rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-

hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết, ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Ưu tiên các dự án có tính sẵn sàng cao, có khả năng hấp thụ vốn sớm. Giảm số lượng dự án đầu tư công tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 – 2025 đối với cả nguồn NSTW và ngân sách địa phương (NSDP).

3. Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư công theo quy định của pháp luật, tạo chủ động tối đa cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong lựa chọn danh mục dự án đầu tư trong khả năng cân đối để phù hợp với tình hình thực tiễn của từng ngành, từng địa phương, phân bổ vốn bảo đảm công khai, minh bạch, xóa bỏ quan liêu bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

4. Điều hành kế hoạch linh hoạt, chủ động, bảo đảm kỷ luật kỷ cương; xem xét tỷ lệ giải ngân của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương là một trong các cơ sở để phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn hằng năm và KHĐTCTH đối với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương giải ngân chậm, không đạt tiến độ.

5. Căn cứ Luật Đầu tư công, tổng mức vốn dự kiến trong KHĐTCTH giai đoạn 2026-2030 được thông báo, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương lựa chọn danh mục dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026-2030 theo thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

a) Tập trung bố trí vốn bảo đảm theo tiến độ cho các dự án đầu tư công đặc biệt, đầu tư công khẩn cấp, chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

b) Bố trí vốn để hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng trước, dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn theo đúng quy định của pháp luật;

c) Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng phù hợp với khả năng giải ngân thực tế và việc thực hiện các cam kết với nhà tài trợ nước ngoài; đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;

d) Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030 chưa được Thủ tướng Chính phủ giao KHĐTCTH giai đoạn 2026 – 2030 tại Quyết định số 1060/QĐ-TTg.

đ) Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

e) Bố trí vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định

của Luật Đầu tư công (nếu còn);

g) Bố trí vốn cho cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi khả năng cân đối NSNN; bố trí vốn NSDP để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

h) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới trong đó ưu tiên các dự án tại Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị, hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch, các dự án đường bộ cao tốc để đến năm 2030 có tối thiểu 5.000km đường bộ cao tốc, các dự án trọng điểm, liên vùng, các dự án có tính chất đột phá về phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng lượng hạt nhân, nguyên tử, vi mạch bán dẫn; các chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

6. Chỉ bố trí vốn cho dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc lựa chọn danh mục dự án vào KHĐTCTH giai đoạn 2026-2030 phải bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 54 Luật Đầu tư công; các dự án phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm². Đồng thời, danh mục nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 phải thuộc danh mục nhiệm vụ, dự án trong KHĐTCTH giai đoạn 2026-2030 và mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2026 được giao.

7. Ngoài các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên nêu trên, đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, việc bố trí vốn phải phù hợp với phân kỳ đầu tư của từng chương trình, dự án, tiến độ chuẩn bị, phê duyệt đầu tư, đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế/Thỏa thuận vay, khả năng thực hiện và giải ngân vốn; phù hợp với việc thực hiện các cam kết với nhà tài trợ nước ngoài. Ưu tiên các dự án hạ tầng then chốt và các lĩnh vực có khả năng lan tỏa cao. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

a) Dự án chuyển tiếp đang triển khai thực hiện thuộc danh mục KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025; Dự án hoàn thành và kết thúc Điều ước quốc tế/Thỏa thuận

² Đối với dự án ODA thời gian bố trí vốn theo quy định tại Khoản 2 Điều 67 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

vay trong giai đoạn 2026-2030, đặc biệt là các dự án không có khả năng gia hạn Điều ước quốc tế/Thỏa thuận vay.

b) Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và chuẩn bị đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế/Thỏa thuận vay trong giai đoạn 2026-2030.

c) Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, có mức độ sẵn sàng cao và dự kiến ký Điều ước quốc tế/Thỏa thuận vay trong giai đoạn 2026-2030.

d) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương không phải lập KHĐTCTH, việc bố trí kế hoạch vốn hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

8. Đối với việc xây dựng trụ sở:

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện theo đúng Kết luận số 18-KL/TW và các quy định pháp luật, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết và các quyết định của mình trong việc đầu tư xây dựng trụ sở trong KHĐTCTH giai đoạn 2026 – 2030, bảo đảm hiệu quả sử dụng NSNN, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

Trường hợp các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quyết định đầu tư, việc phân bổ vốn phải tuân thủ thứ tự ưu tiên theo pháp luật về đầu tư công và đáp ứng một trong các yêu cầu sau: (i) Các dự án thực hiện theo chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, phục vụ cho công tác chiến đấu, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phù hợp với quy hoạch; (ii) Các dự án giải quyết nhu cầu cấp bách sau sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính sau khi đã xác định là phương án sắp xếp các cơ sở nhà đất dôi dư theo quy định vẫn không bảo đảm được; (iii) Các dự án đã chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, đã đủ thủ tục đầu tư, có tính sẵn sàng cao, có khả năng hấp thụ vốn, phù hợp yêu cầu tại Chỉ thị số 16/CT-TTg và sau khi đã xác định phương án sắp xếp các cơ sở nhà đất dôi dư vẫn không bảo đảm được; (iv) Các dự án phải di dời do quy hoạch hoặc hiện trạng không đáp ứng được nhu cầu theo tiêu chuẩn, định mức cần phải cải tạo, nâng cấp, sửa chữa; (v) Các dự án di dời trụ sở về Tây Hồ Tây, Hà Nội theo quy hoạch khi bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định và phù hợp với việc sắp xếp theo nguyên tắc chung (i), (ii), (iii) nêu trên.

Chưa xem xét bố trí vốn xây dựng trụ sở trong trường hợp các Bộ, ngành có trụ sở mới được đầu tư đưa vào sử dụng nhưng tiếp tục có nhu cầu di dời xây mới, các dự án chưa phù hợp với quy hoạch, chưa xác định được thủ tục pháp lý về đất đai, chưa khai thác hiệu quả trụ sở hiện có và sắp xếp các cơ sở nhà đất chưa đúng quy định.

9. Đối với ngân sách địa phương, địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, theo tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, đảm bảo tuân thủ quy định tại Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 27/2026/QH16.

II. MỨC VỐN NSTW ĐƯỢC THÔNG BÁO

Thông báo mức vốn NSTW giai đoạn 2026-2030 chưa phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 của Quốc hội như sau:

1. Dự kiến KHĐTCTH vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại **Phụ lục** kèm theo.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sẽ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở dự kiến phương án phân bổ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo yêu cầu tại văn bản này và các quy định liên quan của pháp luật.

3. Đối với 03 đường cao tốc (tuyến đường Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên địa phận Sơn La, tuyến đường Quảng Ngãi - Kon Tum, tuyến đường Bảo Hà - Lai Châu), các tuyến đường cao tốc khu vực miền núi phía Bắc và các dự án thực hiện nhiệm vụ hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch, số vốn dự kiến sẽ được thông báo trên cơ sở ý kiến của Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-CP.

4. Đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: số vốn dự kiến sẽ được thông báo trên cơ sở ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về sắp xếp thứ tự ưu tiên, mức vốn dự kiến trong giai đoạn 2026 – 2030 cho từng bộ, địa phương để thực hiện các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-CP.

5. Đối với các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu: các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có nhu cầu đầu tư chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-CP.

6. Các địa phương không có dự án quan trọng quốc gia, dự án thuộc Chương trình hành động, dự án đường bộ cao tốc được Bộ Chính trị cho phép bố trí từ nguồn tăng thu NSTW năm 2025 hoặc có dự án thuộc các nhóm nêu trên nhưng quy mô NSTW hỗ trợ dưới 10.000 tỷ đồng thì tự quyết định lựa chọn 01 dự án trọng điểm, liên vùng theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-CP gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm 2026 để tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

Căn cứ nguyên tắc phân bổ và số vốn đầu tư công nguồn NSTW giai đoạn 2026-2030 được thông báo, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hoàn thiện phương án phân bổ chi tiết KHĐTCTH giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng Chỉ thị số 16/CT-TTg, gửi Bộ Tài chính trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày Thủ tướng Chính phủ có thông báo vốn để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ giao KHĐTCTH giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định, trong đó:

- Phương án phân bổ vốn NSTW giai đoạn 2026-2030 cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương không thấp hơn số vốn bố trí thực tế trong kế hoạch năm 2026 và không được vượt quá số vốn thông báo tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

- Bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án thuộc Chương trình hành động, dự án trọng điểm của ngành, lĩnh vực, địa phương không thấp hơn số vốn được thông báo chi tiết tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

- Ngoài yêu cầu nêu trên, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo kèm theo các nội dung sau:

- (i) Báo cáo số lượng dự án giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- (ii) Đánh giá nhu cầu bổ sung vốn NSTW của năm 2026 và từng năm trong giai đoạn 2027 - 2030 để phục vụ việc tính toán, cân đối nguồn vốn.

- (iii) Dự kiến các kết quả chủ yếu đạt được của phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 và kiến nghị các giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện KHĐTCTH giai đoạn 2026-2030.

- (iv) Có văn bản cam kết về việc triển khai phân bổ, giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2026-2030 được giao theo chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm.

b) Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, bảo đảm tính sẵn sàng của dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức và quy định của pháp luật; kiểm soát thời gian bố trí vốn hoàn thành dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và NSNN, tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình đã được phê duyệt, đang triển khai dở dang.

c) Các địa phương báo cáo tình hình giao KHĐTCTH giai đoạn 2026 - 2030 nguồn NSDP bao gồm phương án phân bổ, số lượng dự án.

2. Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP bảo đảm đúng tiến độ theo yêu cầu.

3. Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phân bổ, giao KHĐTCTH vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và danh mục, mức vốn của các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong tháng 8 năm 2026.

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và pháp luật về danh mục dự án, tính chính xác và thống nhất về thông tin, số liệu giữa báo cáo trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công và văn bản báo cáo; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về sự chậm trễ trong trường hợp báo cáo gửi chậm so với thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch, các đơn vị phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Bộ Tài chính để xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị có báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP;
- Bộ Tài chính;
- Các Bộ, cơ quan trung ương tại phụ lục kèm theo;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP tại phụ lục kèm theo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- Các Cục, Vụ: TH, CN, NN, KGVX, NC, QHQT, QTTV;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2b)H. 110

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng